

BAN CHỈ ĐẠO TỔNG ĐIỀU TRA CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
NÔNG THÔN, NÔNG NGHIỆP Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
VÀ THỦY SẢN TRUNG ƯƠNG

Số: *76* /BCĐTW-TTT

Hà Nội, ngày *19* tháng *02* năm *2016*

V/v hướng dẫn lập bảng kê
đơn vị điều tra

Kính gửi Ban Chỉ đạo Tổng điều tra nông thôn, nông nghiệp và thủy sản
tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

Thực hiện Quyết định số 1225/QĐ-TTg ngày 31 tháng 7 năm 2015 của
Thủ tướng Chính phủ về tổ chức Tổng điều tra nông thôn, nông nghiệp và thủy sản
năm 2016, Ban Chỉ đạo Tổng điều tra nông thôn, nông nghiệp và thủy sản
Trung ương gửi tới các Ban Chỉ đạo Tổng điều tra tỉnh, thành phố trực thuộc
Trung ương hướng dẫn Quy trình lập bảng kê đơn vị điều tra trong Tổng điều tra
nông thôn, nông nghiệp và thủy sản năm 2016 (Quy trình đính kèm).

Đề nghị Ban Chỉ đạo Tổng điều tra tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương
tổ chức triển khai công tác lập bảng kê theo đúng quy định trong Quy trình lập
bảng kê./. *HL*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng, Trưởng ban BCĐTW (để b/c);
- Các thành viên BCĐTW;
- Cục Thống kê tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Lưu: VT, TTT.

KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN THƯỜNG TRỰC



TỔNG CỤC TRƯỞNG TỔNG CỤC THỐNG KÊ

Nguyễn Bích Lâm

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

SAO Y BẢN CHÍNH

Số: 366/SY-UBND

Bình Định, ngày 04 tháng 3 năm 2016

Nơi nhận:

- Thành viên Ban Chỉ đạo theo QĐ số 300/QĐ-UBND ngày 29/01/2016 của UBND tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Lãnh đạo VP, K1, K10, K13;
- Lưu: VT. (38b)

**TL. CHỦ TỊCH
KT. CHÁNH VĂN PHÒNG
PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG**



Nguyễn Đức Thi



QUY TRÌNH

**Lập bảng kê các đơn vị điều tra trong
Tổng điều tra nông thôn, nông nghiệp và thủy sản năm 2016**
*(Kèm theo Công văn số 76/BCĐTW-TTT ngày 19 tháng 02 năm 2016 của
Ban Chỉ đạo Tổng điều tra nông thôn, nông nghiệp và thủy sản Trung ương)*

PHẦN I. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

I. KHÁI NIỆM, Ý NGHĨA, TẦM QUAN TRỌNG CỦA LẬP BẢNG KÊ

1. Khái niệm

a) Khái niệm lập bảng kê

Lập bảng kê các đơn vị điều tra trong Tổng điều tra nông thôn, nông nghiệp và thủy sản năm 2016 (sau đây gọi tắt là TĐT NN 2016) là việc lập danh sách các đơn vị điều tra thuộc phạm vi của cuộc Tổng điều tra trên một khu vực địa lý nhất định theo các quy định cụ thể để ghi vào biểu mẫu được thiết kế trước.

Trong TĐT NN 2016 thực hiện lập các bảng kê sau đây:

- (1) Bảng kê hộ điều tra toàn bộ khu vực nông thôn;
- (2) Bảng kê hộ có tham gia hoạt động sản xuất nông, lâm nghiệp, diêm nghiệp và thủy sản khu vực thành thị;
- (3) Bảng kê hộ điều tra mẫu;
- (4) Bảng kê trang trại;
- (5) Bảng kê Ban quản lý khu nhà ở cho công nhân trên địa bàn nông thôn.

Ghi chú: Danh sách các UBND xã được Ban Chỉ đạo Tổng điều tra nông thôn, nông nghiệp và thủy sản năm 2016 (Ban Chỉ đạo TĐT) cấp tỉnh liệt kê theo từng huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh theo danh mục đơn vị hành chính cấp xã thuộc địa phương có đến 31/6/2016 (không lập bảng kê UBND xã).

b) Khái niệm hộ

Khái niệm hộ: Hộ bao gồm một người ăn ở riêng hoặc một nhóm người ăn chung và ở chung, họ có hoặc không có quan hệ ruột thịt, hôn nhân, nuôi dưỡng, có hoặc không có quỹ thu - chi chung.

Một hộ thường sử dụng toàn bộ hay một phần của một đơn vị nhà ở¹, nhưng cũng có những hộ sống trong các lều, lán, trại, nhà trọ, khu nhà ở cho hộ cán bộ, công chức, người lao động...

Trường hợp có hai gia đình hoặc có hai nhóm người trở lên ở chung trong một đơn vị nhà ở nhưng không ăn chung với nhau, mỗi nhóm người như vậy được coi là một hộ.

Nếu hai nhóm người tuy ăn chung nhưng lại ngủ riêng ở hai đơn vị nhà ở khác nhau, thì hai nhóm này được coi là hai hộ khác nhau.

Hộ thành thị có tham gia hoạt động sản xuất nông, lâm nghiệp, diêm nghiệp và thủy sản: Là hộ sống ở khu vực thành thị và có thêm điều kiện cụ thể với từng loại hộ được quy định như sau:

- Hộ tham gia hoạt động sản xuất nông nghiệp, đảm bảo một trong các điều kiện sau:

(1) Hộ có hoạt động trồng, thu hoạch sản phẩm cây nông nghiệp (cây hàng năm và cây lâu năm, riêng cây lâu năm bao gồm những hộ trồng cây lâu năm nhưng chưa cho sản phẩm) và có sử dụng đất sản xuất nông nghiệp từ 300 m² trở lên;

(2) Hộ chăn nuôi từ 1 con trâu, bò hoặc từ 02 con dê, cừu, lợn hoặc từ 30 con gia cầm trở lên;

(3) Hộ có hoạt động dịch vụ nông nghiệp (xử lý cây trồng, dịch vụ phòng trừ sâu bệnh, phun thuốc bảo vệ thực vật; làm đất, gieo, cấy, sạ, thu hoạch; cho thuê máy nông nghiệp có cả người điều khiển; tưới tiêu nước phục vụ trồng trọt...) và trồng nấm, rau mầm có ít nhất 1 lao động chuyên thực hiện các hoạt động dịch vụ trên.

- Hộ tham gia hoạt động sản xuất lâm nghiệp, đảm bảo một trong các điều kiện sau:

(1) Hộ có hoạt động trồng hoặc chăm sóc cây lâm nghiệp và có diện tích đất lâm nghiệp từ 5000 m² trở lên;

(2) Hộ dịch vụ lâm nghiệp (dịch vụ chăm sóc, bảo vệ rừng...) có ít nhất 1 lao động chuyên thực hiện các hoạt động dịch vụ trên.

- Hộ tham gia hoạt động sản xuất thủy sản, đảm bảo một trong các điều kiện sau:

(1) Hộ có hoạt động nuôi trồng các loại thủy sản và có (i) từ 300 m² đất nuôi trồng thủy sản thâm canh, bán thâm canh trở lên hoặc (ii) có lồng bè nuôi thủy sản;

¹ Đơn vị nhà ở được hiểu là một phòng, một căn hộ hoặc một ngôi nhà

(2) Hộ có hoạt động ương nuôi giống thủy sản có ít nhất 1 lao động chuyên thực hiện hoạt động ương nuôi giống thủy sản;

(3) Hộ có hoạt động khai thác thủy sản và có từ 01 tàu thuyền có động cơ trở lên chuyên khai thác thủy sản; hoặc hộ có ít nhất 01 lao động chuyên khai thác thủy sản.

- Hộ tham gia hoạt động làm muối, đảm bảo điều kiện sau:

Hộ có hoạt động làm muối và có từ 300 m² đất làm muối trở lên; hoặc có ít nhất 01 lao động chuyên hoạt động làm muối.

Hộ tập thể: Hộ gồm nhiều người thường là độc thân, không có quan hệ ruột thịt, hôn nhân, nuôi dưỡng sống chung trong một đơn vị nhà ở.

c) Khái niệm địa bàn điều tra: Là khu dân cư được phân định trong Tổng điều tra nông thôn, nông nghiệp và thủy sản, có ranh giới rõ ràng hoặc tương đối rõ ràng để giao cho điều tra viên tiến hành điều tra.

2. Ý nghĩa, tầm quan trọng của việc lập bảng kê

Lập bảng kê là hoạt động rất quan trọng, không thể thiếu trong TĐT NN 2016, chất lượng của công tác lập bảng kê có ảnh hưởng tới sự thành công của cuộc Tổng điều tra. Lập bảng kê phục vụ cho các yêu cầu sau:

(1) Cung cấp thông tin ban đầu, là căn cứ quan trọng cho Ban Chỉ đạo TĐT các cấp xác định quy mô của từng loại đơn vị điều tra trên từng địa bàn và triển khai thực hiện các công việc tiếp theo như: xác định thời gian cần thiết cho công tác thu thập thông tin tại địa bàn; xác định số lượng điều tra viên và tổ trưởng cần tuyển dụng; số lượng giám sát viên cần huy động; lập và điều chỉnh dự toán khối lượng các loại tài liệu phục vụ điều tra (phiếu điều tra, sổ tay hướng dẫn, quy trình nghiệp vụ và các tài liệu có liên quan khác) và các vật tư văn phòng phẩm; lập và điều chỉnh dự toán kinh phí cho từng hoạt động theo đơn vị hành chính cấp xã, huyện, tỉnh và cả nước...;

(2) Giúp Ban Chỉ đạo TĐT các cấp chủ động chỉ đạo và điều hành các công việc; theo dõi tiến độ thực hiện trong phạm vi được phân công, bảo đảm cuộc điều tra được tiến hành đúng tiến độ đã đề ra;

(3) Giúp Ban Chỉ đạo TĐT cấp xã làm căn cứ phân chia hoặc ghép địa bàn; chủ động trong việc phân công các đơn vị điều tra cụ thể cho từng điều tra viên và tổ trưởng; theo dõi tiến độ thực hiện khối lượng điều tra của từng điều tra viên;

(4) Giúp tổ trưởng có thông tin để phân công số lượng đơn vị cần thu thập thông tin cho từng điều tra viên phụ trách, là căn cứ để giám sát khối lượng công việc hàng ngày của từng điều tra viên;

(5) Giúp điều tra viên nhận biết số lượng, phạm vi và địa chỉ của các đơn vị điều tra được phân công, bảo đảm trong quá trình tiến hành thu thập thông tin được đầy đủ, chính xác, tránh trùng lặp cũng như bỏ sót đơn vị điều tra;

(6) Làm dàn chọn mẫu giúp Ban Chỉ đạo TĐT cấp tỉnh và cấp huyện tiến hành chọn mẫu hộ cho điều tra mẫu thu thập các thông tin chuyên sâu của hộ ở nông thôn.

II. YÊU CẦU CỦA LẬP BẢNG KÊ

Việc lập bảng kê phải đáp ứng đầy đủ các yêu cầu sau:

1. Đầy đủ: Không trùng lặp, không bỏ sót đơn vị điều tra; không bao gồm những đơn vị không thuộc phạm vi điều tra.

2. Chính xác: Thông tin trong bảng kê phải được ghi chép chính xác, phản ánh đúng thực trạng về đơn vị điều tra theo các tiêu chí đã được nêu tại biểu mẫu quy định và được ghi chép theo đúng quy trình do Ban Chỉ đạo TĐT Trung ương quy định.

3. Kịp thời: Việc lập các bảng kê phải hoàn thành theo đúng thời gian quy định.

4. Được cập nhật: Các bảng kê cần được tiếp tục cập nhật nếu có phát sinh đến trước thời điểm điều tra.

PHẦN II. NỘI DUNG

I. QUY TRÌNH XÁC ĐỊNH ĐỊA BÀN, LẬP BẢNG KÊ HỘ ĐIỀU TRA TOÀN BỘ

1. Quy ước địa bàn điều tra hộ toàn bộ

Địa bàn điều tra thường là một thôn, ấp, bản (sau đây gọi chung là thôn), tổ dân phố. Tuy nhiên, trong một số trường hợp một địa bàn được ghép từ một số tổ dân phố liền kề, hoặc được chia tách từ thôn.

Quy định cụ thể đối với việc xác định địa bàn điều tra tại khu vực nông thôn và thành thị như sau:

- Khu vực nông thôn

Ở khu vực nông thôn chỉ tách những thôn có số lượng hộ lớn thành nhiều địa bàn, nhưng không ghép nhiều thôn thành địa bàn, dù số lượng hộ của thôn ít. Cụ thể quy định như sau:

+ Đối với vùng núi cao, hải đảo: Nếu thôn có quy mô từ 150 hộ trở lên thì chia tách thành một số địa bàn điều tra với quy ước mỗi địa bàn có quy mô không dưới 70 hộ;

+ Đối với các vùng còn lại: Nếu thôn có quy mô từ 250 hộ trở lên thì chia tách thành một số địa bàn điều tra với quy ước mỗi địa bàn có quy mô không dưới 120 hộ.

- Khu vực thành thị

+ Ghép một số tổ dân phố thành một địa bàn điều tra: nếu số hộ có tham gia hoạt động nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp và thủy sản ở tổ dân phố dưới 100 hộ, ghép một số tổ dân phố liền kề thành một địa bàn điều tra với quy định tổng số hộ có tham gia hoạt động nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp và thủy sản của một địa bàn không quá 200 hộ.

+ Tách tổ dân phố thành một số địa bàn điều tra: Nếu tổ dân phố có quy mô từ 201 hộ trở lên, chia tách thành một số địa bàn với quy ước mỗi địa bàn có quy mô không dưới 100 hộ.

Ghi chú:

Việc ghép những tổ dân phố liền kề hoặc chia tách thôn để tạo thành (các) địa bàn điều tra phải đảm bảo ranh giới địa bàn điều tra rõ ràng hoặc tương đối rõ ràng để thuận tiện cho công tác điều tra.

Bảng quy định về việc xác định địa bàn điều tra

	Số hộ của thôn, ấp bản tại khu vực nông thôn		Số hộ của tổ dân phố tại khu vực thành thị
	Núi cao, hải đảo	Vùng còn lại	
Tách địa bàn	≥ 150	≥ 250	> 200
Giữ nguyên	Dưới 150	Dưới 250	Từ 100 đến 200
Ghép địa bàn	Không ghép	Không ghép	< 100

2. Lập bảng kê hộ điều tra toàn bộ

Bảng kê hộ điều tra toàn bộ được lập riêng cho khu vực nông thôn và thành thị cho từng địa bàn.

a) Đối với khu vực nông thôn

• Bước 1: Xác định địa bàn

Ban Chỉ đạo TDT cấp xã phối hợp với các trưởng thôn căn cứ danh sách hộ theo từng cụm dân cư của thôn và quy ước về địa bàn điều tra, tiến hành phân chia địa bàn phù hợp theo quy định. Đối với những thôn có quy mô hộ lớn phải chia tách thành nhiều địa bàn, quy định ghi tên địa bàn điều tra là tên thôn + 1 hoặc 2,... và ghi mã địa bàn là 01, 02,... (mã địa bàn quy định được đánh theo

từng thôn)... và phải ghi vào cột ghi chú về khu vực phân chia từng địa bàn. Ví dụ: Thôn Đoài thuộc xã X ở khu vực nông thôn và thuộc vùng còn lại có số hộ trên địa bàn hơn 250 hộ, theo quy định sẽ được tách thành 02 địa bàn với tên địa bàn là: Đoài 1, Đoài 2 và mã địa bàn tương ứng là 01 và 02.

- Bước 2: Lập bảng kê hộ

Trưởng thôn căn cứ vào danh sách địa bàn do Ban Chỉ đạo TDT cấp xã thực hiện, tiến hành lập danh sách hộ điều tra toàn bộ khu vực nông thôn theo từng địa bàn theo Mẫu số 01-BK/TDTNN-HO do Ban Chỉ đạo TDT Trung ương quy định với nội dung bao gồm các thông tin sau:

- Số thứ tự hộ;
- Họ, tên chủ hộ;
- Địa chỉ của hộ;
- Ngày điều tra;
- Ghi chú.

Người được giao nhiệm vụ, căn cứ vào các danh sách quản lý hành chính hiện có trên địa bàn thôn (thống kê, dân số, thú y, công an...), **tiến hành rà soát cập nhật, lập bảng kê** hộ điều tra toàn bộ theo từng điểm dân cư (không đến từng hộ lập bảng kê) theo quy định về địa bàn của Ban Chỉ đạo TDT cấp xã.

b) Đối với khu vực thành thị

- Bước 1: Lập bảng kê hộ có tham gia hoạt động sản xuất nông, lâm nghiệp, diêm nghiệp và thủy sản

Bảng kê các hộ có tham gia hoạt động sản xuất nông, lâm nghiệp, diêm nghiệp và thủy sản được lập cho từng tổ dân phố theo Mẫu số 02-BK/TDTNN-HO do Ban Chỉ đạo TDT Trung ương quy định với nội dung bao gồm các thông tin sau:

- + Số thứ tự;
- + Họ, tên chủ hộ;
- + Địa chỉ của hộ;
- + Diện tích đất sản xuất nông nghiệp;
- + Diện tích đất lâm nghiệp;
- + Diện tích đất nuôi trồng thủy sản;
- + Diện tích đất làm muối;

- + Số lượng đầu con trâu, bò;
- + Số lượng đầu con dê, cừu, lợn;
- + Số lượng gia cầm;
- + Số lao động chuyên hoạt động sản xuất nông, lâm nghiệp, diêm nghiệp và thủy sản;
- + Ghi chú.

Người lập bảng kê phối hợp với tổ trưởng tổ dân phố rà soát những hộ có tham gia sản xuất nông, lâm nghiệp, diêm nghiệp và thủy sản trên địa bàn. Sau đó, phải trực tiếp đi tuần tự đến từng hộ gặp chủ hộ hoặc người đại diện của hộ để hỏi và ghi chép vào bảng kê theo đúng mẫu biểu quy định.

Người lập bảng kê ghi danh sách các hộ trong tổ dân phố theo từng điểm dân cư; quy ước thống nhất đi theo các trục đường thuận tiện cho điều tra viên trong quá trình điều tra. Thứ tự hộ được đánh từ hộ số 01 đến hộ cuối cùng của từng địa bàn điều tra (kể cả những địa bàn phải ghép từ nhiều tổ dân phố).

Người lập bảng kê sau khi hoàn thành việc lập bảng kê phải ký, ghi rõ họ, tên và bàn giao đầy đủ bảng kê cho Ban Chỉ đạo TĐT cấp xã hoặc Chủ tịch UBND phường, thị trấn nơi không đủ điều kiện thành lập Ban Chỉ đạo TĐT cấp xã.

• Bước 2: Xác định địa bàn

Ban Chỉ đạo TĐT phường, thị trấn hoặc chủ tịch UBND phường, thị trấn (nơi không thành lập Ban Chỉ đạo) căn cứ vào bảng kê hộ có tham gia hoạt động sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp và thủy sản đã được lập ở từng tổ dân phố và quy định chia tách hoặc ghép tổ dân phố để phân chia thành các địa bàn phù hợp. Trường hợp địa bàn điều tra được ghép từ nhiều tổ dân phố liền kề thì tên của địa bàn là tên của các tổ dân phố, mã địa bàn ghi theo từng phường, thị trấn. Không ghi mã thôn/ấp/bản đối với khu vực thành thị trong trường hợp phải ghép nhiều tổ dân số thành một địa bàn.

3. Lập bảng kê hộ điều tra mẫu

Hộ điều tra mẫu (sau đây gọi tắt là hộ mẫu) là hộ điều tra được chọn ra từ các địa bàn điều tra mẫu (sau đây gọi tắt là địa bàn mẫu) để được yêu cầu cung cấp thêm thông tin phục vụ cho mục đích nghiên cứu chuyên sâu thông qua Phiếu điều tra số 04/TĐNN-HM. Hộ mẫu chỉ gồm hộ ở khu vực nông thôn.

Địa bàn mẫu là địa bàn ở khu vực nông thôn được Ban Chỉ đạo TĐT Trung ương chọn ra từ địa bàn mẫu 20% khu vực nông thôn của Điều tra dân số và nhà ở giữa kỳ thời điểm 01/4/2014 đã được cập nhật. Ban Chỉ đạo TĐT

Trung ương chọn các địa bàn mẫu cho từng tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương theo một phương pháp chọn mẫu thống nhất².

Trên cơ sở danh sách địa bàn mẫu do Ban Chỉ đạo TDT Trung ương xác định cho từng tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Ban Chỉ đạo TDT cấp huyện tiến hành chọn hộ điều tra mẫu cho từng địa bàn mẫu theo đúng quy trình chọn mẫu thống nhất đã được Ban Chỉ đạo TDT Trung ương ban hành.

Bảng kê hộ điều tra mẫu được lập cho từng địa bàn mẫu theo Mẫu số 03-BK/TĐTNN-HM bao gồm các thông tin sau:

- Số thứ tự hộ;
- Họ, tên chủ hộ;
- Địa chỉ của hộ;
- STT trong bảng kê hộ điều tra toàn bộ;
- Ngày điều tra;
- Ghi chú

4. Bảng kê trang trại

a) Đối tượng lập bảng kê trang trại

Căn cứ Thông tư số 27/2011/TT-BNNPTNT ngày 13 tháng 4 năm 2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn quy định về tiêu chí và thủ tục cấp giấy chứng nhận kinh tế trang trại. Theo quy định này thì cá nhân, hộ gia đình có hoạt động sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản đạt tiêu chuẩn kinh tế trang trại phải thỏa mãn điều kiện sau:

- Đối với cơ sở trồng trọt, nuôi trồng thủy sản, sản xuất tổng hợp đồng thời phải đạt:
 - Có diện tích trên mức hạn điền, tối thiểu:
 - + 3,1 ha đối với vùng Đông Nam Bộ và Đồng bằng Sông Cửu Long;
 - + 2,1 ha đối với vùng còn lại.
 - Giá trị sản lượng hàng hóa đạt từ 700 triệu đồng/năm trở lên.
- Đối với cơ sở chăn nuôi phải đạt giá trị sản lượng hàng hóa từ 1 tỷ đồng/năm trở lên.
- Đối với cơ sở sản xuất lâm nghiệp phải có diện tích tối thiểu 31 ha và giá trị sản lượng hàng hóa bình quân đạt từ 500 triệu đồng/năm trở lên.

² Chi tiết xem Quy trình chọn mẫu

b) Lập bảng kê trang trại

Bước 1. Rà soát danh sách trang trại trên địa bàn xã

Căn cứ vào quy định về đối tượng lập bảng kê trang trại nêu trên và danh sách trang trại hiện có tại trên địa bàn xã, Ban chỉ đạo TĐT cấp xã hoặc công chức Văn phòng – Thống kê (đối với những nơi không thành lập Ban chỉ đạo TĐT cấp xã) cập nhật, rà soát những hộ, cá nhân, cơ sở sản xuất đạt tiêu chí trang trại trước khi thực hiện lập bảng kê.

Bước 2. Lập bảng kê trang trại

(1) Người lập bảng kê phải đến từng trang trại trong xã, phường, thị trấn để lập bảng kê theo Mẫu số 04-BK/TĐTNN-TT với các thông tin như sau:

- Số thứ tự trang trại;
- Họ, tên chủ trang trại;
- Địa chỉ của trang trại;
- Diện tích đất sản xuất nông nghiệp, đất lâm nghiệp, diện tích nuôi trồng thủy sản của trang trại (ha);
- Giá trị sản lượng hàng hóa nông, lâm, thủy sản của trang trại trong 12 tháng qua (triệu đồng);
- Chủ trang trại không cư trú trên địa bàn xã (đánh dấu x).

(2) Việc lập bảng kê trang trại của xã thực hiện lần lượt từ thôn này đến thôn khác trong xã, số thứ tự của trang trại được đánh số liên tục từ trang trại đầu tiên đến trang trại cuối cùng trong xã;

(3) Người lập bảng kê sau khi hoàn thành việc lập bảng kê phải ký tên, ghi rõ họ, tên và bàn giao đầy đủ bảng kê cho Ban Chỉ đạo TĐT cấp xã hoặc Chủ tịch UBND phường, thị trấn nơi không đủ điều kiện thành lập Ban Chỉ đạo TĐT cấp xã.

Bước 3. Cập nhật bảng kê trang trại

Trong quá trình điều tra, điều tra viên rà soát, hiệu chỉnh lại bảng kê để bổ sung những cá nhân, hộ gia đình, cơ sở đạt tiêu chí trang trại chưa có trong bảng kê và loại bỏ những cá nhân, hộ gia đình, cơ sở không đạt tiêu chí trang trại.

5. Bảng kê các Ban quản lý khu nhà ở cho công nhân trên địa bàn nông thôn

Đối với các khu nhà ở cho công nhân của khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế, các doanh nghiệp,... trên địa bàn nông thôn được coi là một hộ tập thể với quy mô lớn và sẽ tiến hành lập bảng kê các Ban quản lý khu nhà ở cho

công nhân trên địa bàn cấp huyện do các Chi cục Thống kê thực hiện theo Mẫu số 05-BK/TĐTNN-HTT với các thông tin như sau:

- Số thứ tự;
- Tên Ban quản lý;
- Địa chỉ Ban quản lý;
- Số điện thoại Ban quản lý;
- Số người sống trong khu nhà ở cho công nhân;

PHẦN III. KẾ HOẠCH THỰC HIỆN

1. Ban Chỉ đạo TĐT cấp xã hoặc công chức Văn phòng – Thống kê phường, thị trấn (nơi không thành lập Ban Chỉ đạo) tiến hành lập bảng kê hộ điều tra toàn bộ, bảng kê trang trại và danh sách địa bàn điều tra hộ toàn bộ, báo cáo về Ban Chỉ đạo TĐT cấp huyện theo thời gian cụ thể như sau:

- Bảng kê trang trại: Lập bảng kê trang trại theo Mẫu số 04-BK/TĐTNN-TT và báo cáo tổng số trang trại về Ban Chỉ đạo TĐT cấp huyện **chậm nhất ngày 30/3/2016**.

- Bảng kê danh sách địa bàn điều tra hộ toàn bộ: Căn cứ vào bảng kê hộ điều tra toàn bộ và quy ước về địa bàn tiến hành rà soát, tổng hợp, lập danh sách địa bàn địa bàn điều tra theo Mẫu số 06-ĐB/TĐTNN-HO, gửi về Ban Chỉ đạo TĐT cấp huyện **chậm nhất ngày 30/3/2016**.

2. Ban Chỉ đạo TĐT cấp huyện

- Lập bảng kê Ban quản lý khu nhà ở cho công nhân trên địa bàn nông thôn theo Mẫu số 05-BK/TĐTNN-HTT và báo cáo về Ban Chỉ đạo TĐT cấp tỉnh **chậm nhất ngày 02/4/2016**.

- Tổng hợp và báo cáo tổng số địa bàn, số hộ điều tra và tổng số trang trại theo Mẫu số 07-ĐB.H/TĐTNN về Ban Chỉ đạo TĐT cấp tỉnh **chậm nhất ngày 02/4/2016**.

- Căn cứ bảng kê hộ điều tra toàn bộ khu vực nông thôn theo Mẫu số 01-BK/TĐTNN-HO của địa bàn mẫu để tiến hành tổ chức chọn các hộ mẫu theo hướng dẫn của Ban Chỉ đạo TĐT Trung ương và lập bảng kê các hộ mẫu cho từng địa bàn theo Mẫu số 03-BK/TĐTNN-HM và báo cáo 02 bản về Ban Chỉ đạo TĐT cấp tỉnh **chậm nhất ngày 01/5/2016**.

3. Ban Chỉ đạo TĐT cấp tỉnh

- Tổng hợp và báo cáo số địa bàn, số hộ điều tra, tổng số trang trại và tổng số người sống trong các khu nhà ở cho công nhân trên địa bàn nông thôn theo Mẫu số 08-ĐB.T/TĐTNN về Ban Chỉ đạo TĐT Trung ương **chậm nhất ngày 05/4/2016.**

- Ban Chỉ đạo TĐT cấp tỉnh báo cáo từng địa bàn hộ điều tra mẫu theo Mẫu số 03-BK/TĐTNN-HM về Ban Chỉ đạo TĐT Trung ương **chậm nhất ngày 10/5/2016.**

BAN CHỈ ĐẠO TỔNG ĐIỀU TRA TRUNG ƯƠNG

BAN CHỈ ĐẠO TỔNG ĐIỀU TRA
NÔNG THÔN, NÔNG NGHIỆP VÀ THỦY SẢN TRUNG ƯƠNG

Bảng kê hộ điều tra toàn bộ khu vực nông thôn

Tỉnh/ thành phố:

Huyện/quận/thị xã/ thành phố:

Xã:

Thôn/ấp/bản:

Tên địa bàn điều tra: Địa bàn điều tra số:

STT	Họ, tên chủ hộ	Địa chỉ của hộ (tổ, đội, xóm...)	Ngày điều tra	Ghi chú
1	2	3	4	5
1				
2				
3				
4				
5				
6				
7				
8				
9				
10				
11				
12				
13				
14				
15				
16				
17				
...				
Tổng số hộ của địa bàn: Hộ				

Ngày tháng năm 2016

Người lập bảng kê
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày tháng năm 2016

Điều tra viên
(Ký, ghi rõ họ tên)

BAN CHỈ ĐẠO TỔNG ĐIỀU TRA
NÔNG THÔN, NÔNG NGHIỆP VÀ THỦY SẢN TRUNG ƯƠNG

Bảng kê hộ tham gia sản xuất nông, lâm nghiệp, diêm nghiệp và thủy sản ở thành thị

Tỉnh/ thành phố:

Huyện/quận/thị xã/ thành phố:

Phường/thị trấn:

Tổ dân phố:

Tên địa bàn điều tra:

Địa bàn điều tra số:

STT	Họ, tên chủ hộ	Địa chỉ của hộ	DT đất SX NN (m ²)	DT đất lâm nghiệp (m ²)	DT đất thủy sản (m ²)	DT đất làm muối (m ²)	Số lượng trâu, bò (con)	Số lượng dê, cừu, lợn (con)	Số lượng gia cầm (con)	Số lao động chuyên hoạt động SXNLT (người)	Ghi chú
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8	9
1											
2											
3											
4											
5											
6											
7											
8											
9											

STT	Họ, tên chủ hộ	Địa chỉ của hộ	DT đất SX NN (m ²)	DT đất lâm nghiệp (m ²)	DT đất thủy sản (m ²)	DT đất làm muối (m ²)	Số lượng trâu, bò (con)	Số lượng dê, cừu, lợn (con)	Số lượng gia cầm (con)	Số lao động chuyên hoạt động SXNLTS (người)	Ghi chú
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8	9
10											
11											
12											
13											
14											
15											
16											
17											
18											
19											
20											
21											
22											
...											
Tổng số hộ của địa bàn: Hộ											

Ngày tháng năm 2016

Người lập bảng kê
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày tháng năm 2016

Điều tra viên
(Ký, ghi rõ họ tên)

BAN CHỈ ĐẠO TỔNG ĐIỀU TRA
NÔNG THÔN, NÔNG NGHIỆP VÀ THỦY SẢN TRUNG ƯƠNG

Bảng kê hộ điều tra mẫu

Tỉnh/ thành phố:

Huyện/quận/thị xã/ thành phố:

Xã:

Thôn/ấp/bản:

Tên địa bàn điều tra: Địa bàn điều tra số:

STT	Họ, tên chủ hộ	Địa chỉ của hộ	STT trong bảng kê hộ điều tra toàn bộ	Ngày điều tra	Ghi chú
1	2	3	4	5	6
1					
2					
3					
4					
5					
6					
7					
8					
9					
10					
	Hộ dự phòng				
11					
12					
13					

Ngày tháng năm 2016

Người lập bảng kê
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày tháng năm 2016

Điều tra viên
(Ký, ghi rõ họ tên)

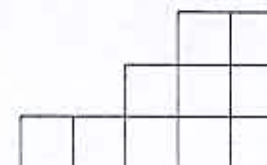
BAN CHỈ ĐẠO TỔNG ĐIỀU TRA
NÔNG THÔN, NÔNG NGHIỆP VÀ THỦY SẢN TRUNG ƯƠNG

Bảng kê trang trại

Tỉnh/ thành phố:

Huyện/quận/thị xã/ thành phố:

Xã/phường/ thị trấn:



STT	Họ, tên chủ trang trại	Địa chỉ sản xuất của trang trại (Số nhà, thôn, phố...)	Diện tích đất của trang trại tại thời điểm lập bảng kê (ha)			Giá trị sản lượng hàng hóa nông, lâm thủy sản 12 tháng qua (triệu đồng)	Ngày điều tra	Chủ trang trại không cư trú trên địa bàn xã
			Đất sản xuất nông nghiệp	Đất lâm nghiệp	Diện tích nuôi trồng thủy sản			
A	B	C	2	3	4	5	6	7
1								
2								
3								
....								
Tổng số trang trại: Trang trại.								

Ngày tháng năm 2016
Người lập bảng kê
(ký, ghi rõ họ, tên)

Ngày tháng năm 2016
Người hiệu chỉnh bảng kê
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày tháng năm 2016
Điều tra viên
(ký, ghi rõ họ, tên)

BAN CHỈ ĐẠO TỔNG ĐIỀU TRA
NÔNG THÔN, NÔNG NGHIỆP VÀ THỦY SẢN TRUNG ƯƠNG

Bảng kê Ban quản lý khu nhà ở cho công nhân
trên địa bàn nông thôn

Tỉnh/ thành phố:

Huyện/quận/thị xã/ thành phố:

STT	Tên Ban quản lý	Địa chỉ Ban quản lý	Số điện thoại Ban quản lý	Số người sống trong khu nhà ở cho công nhân
1	2	3	4	5
Tổng số		x	x	

....., ngày tháng năm 2016

Người lập bảng kê
(Ký, ghi rõ họ tên)

....., ngày tháng năm 2016
TRƯỞNG BAN CHỈ ĐẠO TDTT/CHỦ TỊCH UBND
xã/phường/thị trấn
(Ký, ghi họ tên, đóng dấu của UBND
xã/phường/thị trấn)

BAN CHỈ ĐẠO TỔNG ĐIỀU TRA
NÔNG THÔN, NÔNG NGHIỆP VÀ THỦY SẢN TRUNG ƯƠNG

Báo cáo số hộ và số địa bàn điều tra toàn bộ

Tỉnh/ thành phố:

Huyện/quận/thị xã/ thành phố:

STT	Xã/Phường/Thị trấn	Số địa bàn điều tra toàn bộ	Số hộ điều tra toàn bộ	Số trang trại
1	2	3	4	5
Tổng cộng toàn huyện				

....., ngày tháng năm 2016

TRƯỞNG BAN CHỈ ĐẠO TĐT

.....
(Ký, ghi họ tên, đóng dấu)

BAN CHỈ ĐẠO TỔNG ĐIỀU TRA
NÔNG THÔN, NÔNG NGHIỆP VÀ THỦY SẢN TRUNG ƯƠNG

Báo cáo số lượng địa bàn và đơn vị điều tra toàn bộ

Tỉnh/ thành phố:

--	--

STT	Huyện/thị xã/thành phố	Số địa bàn điều tra toàn bộ	Số hộ điều tra toàn bộ	Số trang trại	Tổng số người sống trong khu nhà ở cho công nhân
1	2	3	4	5	6
Tổng cộng toàn tỉnh					

....., ngày tháng năm 2016

TRƯỞNG BAN CHỈ ĐẠO TĐT

.....
(Ký, ghi họ tên, đóng dấu)